

Bản án số: **80** /2019/KDTM - PT.

Ngày : 26/7/2019

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Các Thẩm phán : Bà Nguyễn Thị Thanh Thuý

Ông Nguyễn Thanh Hưng

Thư ký Toà án nhân dân TP Hà Nội ghi phiên tòa : Ông Phạm Hoàng Nam

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội : Ông Nguyễn Trần Thắng - KSV

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 71/2019/TLPT - KDTM ngày 9 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp: Hợp đồng tín dụng.

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2019/ KDTM – ST, ngày 28 tháng 2 năm 2019 của Tòa án nhân dân Huyện Đ A bị kháng cáo.

Theo Q định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 193/2019/QĐPT – KDTM ngày 10 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D K

(gọi tắt là Ngân hàng G Bank)

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà C Tower, số 109 T H Đ, quận H K, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ***Ông Phạm Huy T*** – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ***Ông Đỗ Minh D , Ông Vương Sơn T*** – Cán bộ (Giấy ủy quyền số 036/2018/UQ-PGD ngày 25/5/2018).

2. Bị đơn: Anh Trương Văn Q - Sinh năm 1974.

và chị Nguyễn Thị L - Sinh năm 1977.

Cùng trú tại: Thôn B Tr, xã B H, huyện Đ A, Thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- 3.1. Ông Trương Xuân B - Sinh năm 1933.
3.2. Bà Nguyễn Thị Th - Sinh năm 1932.
3.3. Anh Trương Văn T - Sinh năm 1982.
3.4. Chị Trương Thị Bích H - Sinh năm 1984.
3.5. Cháu Trương Thị Hồng Nh - Sinh năm 2008.
3.6. Cháu Trương Phương T - Sinh năm 2014.
3.7. Trương Thị Quỳnh A - Sinh năm 2015.
3.8. Trương Mạnh S - Sinh năm 2017.

Đại diện hợp pháp cho cháu Nh, cháu T, cháu Quỳnh A, cháu S: Anh Trương Văn T và chị Trương Thị Bích H.

- 3.9. Anh Trương Văn B - Sinh năm 1966.
3.10. Chị Nguyễn Thị D (tức L) - Sinh năm 1969.
3.11. Anh Trương Văn B - Sinh năm 1987
3.12. Chị Đỗ Thị H - Sinh năm 1985.
3.13. Cháu Trương Văn N - Sinh năm 2013.
3.14. Cháu Trương Thị N - Sinh năm 2016.

Đại diện hợp pháp cho cháu N, cháu N: Anh Trương Văn B ,chị Đỗ Thị H.

- 3.15. Cháu Trương Văn K - Sinh năm 1997.
3.16. Cháu Trương Thị Vân A - Sinh ngày 18/12/2000.
3.17. Cháu Trương Trung H - Sinh năm 2008.

Đại diện hợp pháp cho cháu Vân A, cháu H: Anh Trương Văn Q, chị Nguyễn Thị L.

Cùng trú tại: Thôn B Tr, xã B H, huyện Đ A, Thành phố Hà Nội.

Ông D, ông T, anh Q - Có mặt. Các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải Q vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 13/4/2011 Ngân hàng TM TNHH MTV D K - Chi nhánh Th L - Phòng giao dịch Đông Đô (GBank)ký Hợp đồng tín dụng số 0180/ĐĐ/2011/HĐTD với anh Trương Văn Q và vợ là chị Nguyễn Thị L, đính kèm theo Hợp đồng là các điều

khoản chung của Hợp đồng tín dụng. Cùng ngày hai bên đã ký khế ước nhận nợ số 0180/ĐĐ/2011/KUNN. Với nội dung là: Số tiền vay: 2.000.000.000 đ (Hai tỷ đồng chẵn); Hình thức giải ngân: Chuyển khoản vào tài khoản khách hàng mở tại GBank; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh mặt hàng đồ gỗ; Thời hạn: Vay 12 tháng từ ngày 13/4/2011 đến ngày 13/4/2012; Lãi suất vay: Lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/ 01 lần. Lãi suất kỳ đầu tiên là 22,5%/năm. Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VNĐ của GBank kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ cộng biên độ 8,5%/năm. Hình thức trả nợ gốc: Gốc trả cuối kỳ vay, ngày trả gốc là ngày 13/4/2012; Hình thức trả nợ lãi: Lãi trả hàng tháng theo lịch cố định vào ngày 15 hàng tháng. Ngày trả lãi đầu tiên là ngày 15/5/2011.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 31/3/2011 hộ gia đình ông Trương Xuân B gồm có: Ông Trương Xuân B (bố đẻ anh Q), bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh Q), anh Trương Văn Q, anh Trương Văn T (con trai ông B, bà Th), chị Nguyễn Thị L (vợ anh Q) đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số Ngân hàng 0108/2011/HĐBL/GPBĐĐ, số công chứng 1996.2011/HĐTC tại Văn phòng Công chứng Th L, Thành phố Hà Nội, để thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 05 tại thôn B Tr, xã B H, huyện Đ A, Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số U 901484, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 0773.QSDĐ/BH do UBND huyện Đ A, Thành phố Hà Nội cấp ngày 06/11/2002 đứng tên hộ gia đình ông Trương Xuân B (HKS: 290323). Có diện tích: 500m²; Mục đích sử dụng: Đất ở và đất vườn liền kề; Thời hạn sử dụng: Lâu dài. Tài sản đảm bảo này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng qui định của pháp luật tại Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Đ A - Văn phòng nhà và đất huyện Đ A ngày 31/3/2010.

Cũng để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 31/3/2011 hộ gia đình bà Nguyễn Thị T gồm có: Bà Nguyễn Thị T , Ông Trương Xuân B , anh Trương Văn Q, chị Nguyễn Thị L (vợ anh Q), anh Trương Văn T, chị Trương Thị Bích H (vợ anh Toàn) đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số Ngân hàng 0107/2011/HĐBL/GPBĐĐ, số công chứng 1997.2011/HĐTC tại Văn phòng Công chứng Th L, Thành phố Hà Nội, để thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 01 tại thôn B Tr, xã B H, huyện Đ A,

Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 556184, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 1050/2005/QĐ-UB . 00077/2005/ĐA-BH do UBND huyện Đ A, Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/12/2005 đứng tên hộ gia đình bà Nguyễn Thị T (HKS: 290323). Có diện tích: 345m²; Mục đích sử dụng: Đất ở 300m², đất vườn 45m²; Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở 50m², công trình phụ 150m². Tài sản đảm bảo này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng qui định của pháp luật tại Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Đ A - Văn phòng nhà và đất huyện Đ A ngày 31/3/2010.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, kể từ ngày 03/4/2012 đến nay anh Q và chị L đã không thanh toán nợ lãi theo đúng cam kết trong Hợp đồng tín dụng, khi khoản vay của anh Q và chị L đến hạn trả nợ gốc, anh Q và chị L cũng không thực hiện nghĩa vụ, không bàn giao tài sản cho Ngân hàng xử lý.

Tạm tính đến ngày 28/02/2019 tổng dư nợ của anh Q chị L tại Ngân hàng GBank như sau: **Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 70.298.251 đồng; Nợ lãi quá hạn: 4.095.125.000 đồng; Lãi phạt: 144.980.272 đồng. Tổng cộng: 6.310.403.523 đồng.** Lãi vay tiếp tục phát sinh theo thời gian.

Ngân hàng GBank yêu cầu anh Trương Văn Q và chị Nguyễn Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng GBank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi như nêu trên và số tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn kể từ ngày 24/7/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp anh Q, chị L không thanh toán dứt điểm khoản nợ trên, Ngân hàng GBank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản nhưng không thu đủ các khoản nợ, anh Q, chị L sẽ phải tiếp tục nhận nợ và trả đầy đủ cho đến khi thanh toán dứt điểm các khoản vay.

*** Bị đơn - anh Trương Văn Q và chị Nguyễn Thị L trình bày:** Anh chị xác nhận toàn bộ quá trình ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng GBank và khoản nợ tại Ngân hàng GBank hiện nay đúng như đơn khởi kiện của Ngân hàng. Vì điều kiện hiện nay gia đình có khó khăn, làm ăn kinh doanh thua lỗ nên anh chị chưa trả được khoản nợ trên cho Ngân hàng. Đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho anh chị được trả dần trong thời hạn 02 năm và xem xét miễn giảm khoản tiền lãi.

Hiện nay tại thửa đất mang tên hộ gia đình ông Trương Xuân B có ông Trương Xuân B, anh Trương Văn T và vợ là Trương Thị Bích H cùng các con anh T, chị H là Trương Thị Phương T - Sinh ngày 10/9/2004, Trương Thị Hồng N - Sinh ngày 01/7/2008, Trương Thị Quỳnh A - Sinh năm 2015, Trương Mạnh S - Sinh năm 2017 có hộ khẩu thường trú và đang thường xuyên sinh sống.

Hiện nay tại thửa đất mang tên hộ gia đình bà Nguyễn Thị T có bà Nguyễn Thị T, vợ chồng anh Q, chị L cùng các con của anh Q chị L là Trương Văn K - Sinh ngày 28/9/1997, Trương Thị Vân A - Sinh ngày 18/12/2000, Trương Trung H - Sinh ngày 02/6/2008 có hộ khẩu thường trú và đang thường xuyên sinh sống.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị T trình bày:** Bà Th xác nhận có ký Hợp đồng thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 01 tại thôn B Tr, xã B H, huyện Đ A, Thành phố Hà Nội để đảm bảo khoản vay cho anh Q, chị L tại Ngân hàng GBank nhưng thời gian cụ thể không nhớ. Hiện nay do vợ chồng anh Q, chị L làm ăn thất bát, kinh tế khó khăn nên chưa có điều kiện để trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy bà Th đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện kéo dài thời gian cho vợ chồng anh Q trả nợ dần trong thời hạn 02 năm, để anh chị ổn định kinh tế kiếm tiền trả nợ Ngân hàng.

Hiện nay do bà Th tuổi cao sức yếu, không thể đến Tòa án làm việc được, xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải Q vụ án, mọi văn bản giấy tờ tố tụng của Tòa án đề nghị Tòa án giao cho anh Q là con trai bà nhận thay. Ngoài ra bà không trình bày gì thêm và cũng không có yêu cầu gì khác.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Trương Xuân B trình bày:** Ông Bon xác nhận có ký Hợp đồng thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 05 tại thôn B Tr, xã B H, huyện Đ A, Thành phố Hà Nội để đảm bảo khoản vay cho anh Q, chị L tại Ngân hàng GBank nhưng cụ thể thời gian không nhớ. Ông B không có ý kiến gì về việc thế chấp đất và số tiền vay của vợ chồng anh Q. Ông B đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng anh Q trả nợ gốc và giảm lãi phạt, tạo điều kiện về thời gian để vợ chồng anh Q bán đất và trả nợ cho Ngân hàng vì hiện nay vợ chồng anh Q rất khó khăn về kinh tế.

Hiện nay do ông B tuổi cao sức yếu, không đi lại được, đề nghị Tòa án cho được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải Q vụ án, mọi văn bản giấy tờ tố tụng của Tòa án đề nghị Tòa án giao cho anh Q nhận thay. Ngoài ra ông B không trình bày gì thêm và cũng không có yêu cầu gì khác.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Trương Văn T trình bày:** Anh Toàn là em trai anh Trương Văn Q, có ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 05 tại thôn B Tr, xã B H, huyện Đ A, Thành phố Hà Nội để đảm bảo khoản vay cho vợ chồng anh Q tại Ngân hàng GBank, cụ thể thời gian không nhớ vì đã lâu. Anh Toàn hoàn toàn nhất trí với lời khai của ông Trương Xuân B và bà Nguyễn Thị T. Anh Toàn đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho vợ chồng anh Q trả nợ gốc và miễn lãi, vì anh chị hiện nay rất khó khăn về kinh tế, chưa có điều kiện trả nợ ngay.

Hiện nay anh Toàn đi làm công nhân và phải làm ca kíp, không có thời gian đến Tòa án làm việc được, đề nghị Tòa án cho được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải Q vụ án, mọi văn bản giấy tờ đề nghị Tòa án giao cho anh Q nhận thay. Ngoài ra anh Toàn không trình bày gì thêm và cũng không có yêu cầu gì khác.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Trương Văn Bang trình bày:** Anh Ba là con trai cả của ông Trương Xuân B, vợ là chị Nguyễn Thị Diên (tức Liệt) đang ở trên thửa đất mà ông Trương Xuân B đã thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của anh Trương Văn Q và chị Nguyễn Thị L tại Ngân hàng GBank. Việc ông B thế chấp tài sản cho Ngân hàng anh Ba không biết, ông B không nói gì với anh Ba, anh Ba cũng không biết việc vợ chồng anh Q chị L vay tiền Ngân hàng như thế nào. Nếu anh biết anh đã không đồng ý cho ông B thế chấp tài sản cho vợ chồng anh Q vay tiền.

Năm 2007 ông B đã cho anh Ba 270m² đất trong tổng số diện tích 500m² đất tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 05 tại thôn B Tr, xã B H, huyện Đ A, Thành phố Hà Nội. Khi cho có văn bản cho tặng, nhưng anh Ba vẫn chưa làm thủ tục tách thửa nên sổ đỏ vẫn đứng tên Trương Xuân B. Sau khi bố cho đất thì anh Ba đã xây tường ngăn ranh giới như hiện nay, vợ chồng anh Ba ở tại ngôi nhà cấp 4 cũ do các cụ để lại. Đến năm 2015 vợ chồng anh Ba xây thành nhà 2 tầng 1 tum trên phần diện tích đất được bố cho. Khi anh Ba làm nhà anh cũng đã được nghe nói là thửa đất này hiện

nay đang được thế chấp cho Ngân hàng , anh Ba có hỏi thì ông B bảo anh Ba cứ làm nhà. Khi Tòa án đến xem xét thẩm định anh Ba mới biết anh Q chị L vay nhiều tiền như vậy. Khi xây dựng nhà thì chính quyền địa phương cũng không có can thiệp gì.

Hiện nay trên phần diện tích đất nêu trên có hai vợ chồng , con trai là Trương Văn Bẫy sinh năm 1987, con dâu là Đỗ Thị Hương sinh năm 1985 và hai cháu con anh Bẫy chị Hương là Trương Văn Nam sinh năm 2013, Trương Thị Nhi sinh năm 2016. Ngoài ra không có ai khác đang ăn ở, sinh sống trên phần đất này.

Quan điểm của anh trong trường hợp anh Q chị L không trả được nợ cho Ngân hàng thì đề nghị Ngân hàng chỉ phát mại thửa đất hiện vợ chồng anh Q đang ở và một phần đất hiện bố anh và anh Toàn đang ở. Phần đất hiện anh Ba đang quản lý không được phát mại vì đây là đất tổ tiên anh Ba phải có trách nhiệm thờ cúng.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Trương Thị Bích H Chị Nguyễn Thị D (tức L), anh Trương Văn B, chị Đỗ Thị H, từ chối khai báo với Tòa án, cháu Trương Văn K** vẫn sinh sống tại địa chỉ thôn B Tr, xã B H, huyện Đ A, Thành phố Hà Nội, nhưng do cháu đi học thường xuyên, nên Tòa án không lấy được lời khai của những người liên quan có tên trên.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2019/ KDTM – ST, ngày 28 tháng 2 năm 2019 của Tòa án nhân dân Huyện Đ A đã Q định như sau :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D K (Ngân hàng GBank) đối với anh Trương Văn Q và chị Nguyễn Thị L.

Buộc anh Trương Văn Q và chị Nguyễn Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng GBank số tiền **nợ gốc là 2.000.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 70.298.251 đồng; Nợ lãi quá hạn: 3.420.391.667 đồng. Tổng cộng: 5.490.689.917 đồng** (Năm tỷ, bốn trăm chín mươi triệu, sáu trăm tám chín nghìn, chín trăm mười bảy đồng).

Không chấp nhận khoản tiền lãi quá hạn vượt quá và khoản tiền lãi phạt của Ngân hàng GBank tổng cộng là **819.713.605 đồng** (Tám trăm mười chín triệu, bảy trăm mười ba nghìn, sáu trăm linh năm đồng).

2. Trường hợp anh Trương Văn Q và chị Nguyễn Thị L không trả được số tiền còn nợ trên cho Ngân hàng GBank thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 01 tại thôn B Tr, xã B H, huyện Đ A, Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 556184, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 1050/2005/QĐ-UB.00077/2005/ĐA-BH do UBND huyện Đ A cấp ngày 19/12/2005 đứng tên hộ gia đình bà Nguyễn Thị T. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số ngân hàng 0107/2011/HĐBL/GPBĐĐ ngày 31/3/2011.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 05 tại thôn B Tr, xã B H, huyện Đ A, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 901484 , số vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 0773.QSDĐ/BH do UBND huyện Đ A cấp ngày 06/12/2002 đứng tên hộ gia đình ông Trương Xuân B. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số ngân hàng 0108/2011/HĐBL/GPBĐĐ ngày 31/3/2011.

3. Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo trên để thu hồi nợ mà giá trị tài sản thu hồi không đủ trả nợ cho Ngân hàng GBank thì anh Q chị L vẫn phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng GBank cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

4. Những người hiện đang sinh sống thường xuyên trên hai thửa đất nêu trên có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của hai thửa đất trên cho Ngân hàng GBank trong trường hợp phát mại xử lý tài sản thế chấp.

5. Về án phí:

+ Anh Q, chị L phải nộp **113.490.690 đồng** (Một trăm mười ba triệu, bốn trăm chín mươi nghìn, sáu trăm chín mươi đồng chẵn) tiền án phí kinh doanh thương mại để nộp ngân sách Nhà nước.

Sau khi xét xử sơ thẩm :

Nguyên đơn kháng cáo : Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xác định lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn được xác định tại thời điểm khoản vay chuyển sang nợ quá hạn, và đề nghị chấp nhận khoản tiền lãi suất phạt quá hạn trên lãi quá hạn vượt quá và khoản tiền lãi phạt của Ngân hàng GBank tổng cộng là **819.713.605 đồng**. Kháng cáo về án phí mà ngân hàng phải chịu.

Tại phiên tòa phúc thẩm :

Ngân hàng GBank : giữ nguyên yêu cầu khởi kiện , yêu cầu kháng cáo.

Anh Trương xuân Q : Đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để anh Q bán tài sản trả nợ .

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố tiến hành thụ lý và giải Q vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của trong thời hạn Luật định. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng , căn cứ điều 476 Bộ luật dân sự , kháng cáo về lãi suất quá hạn và lãi suất phạt của Ngân hàng GBank không có căn cứ để chấp nhận do vậy căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng : Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn Luật định.
- Các đương sự không kháng cáo về số nợ gốc, nợ lãi trong hạn , nên không xét.
- Xét kháng cáo về lãi suất quá hạn và lãi suất phạt của nguyên đơn : Hợp đồng tín dụng do hai bên ký kết vào 13/4/2011 và đến thời điểm hiện nay các bên chưa thực hiện xong , do vậy áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005, Luật các tổ chức tín dụng để giải Q vụ án .

Căn cứ vào quy định tại khoản 5 Điều 476 quy định: “ *Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ*” , khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “*tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Xét thấy tại thời điểm hai bên ký kết hợp đồng tín dụng 13/4/2011 hai bên thoả thuận về lãi suất cho vay là phù hợp với Thông tư

12/2010/TTNHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước. Tuy nhiên, các bên còn thoả thuận về lãi suất phạt chậm trả là không phù hợp với pháp luật, do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về đòi lãi suất phạt chậm trả là có căn cứ, do vậy không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về việc đòi lãi suất phạt chậm trả.

Theo Q định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định lãi suất cơ bản áp dụng từ ngày 01/12/2010 là 9%/năm đến nay không thay đổi. Căn cứ thoả thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ mà hai bên thoả thuận Lãi suất vay: Lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/ 01 lần lãi suất trong hạn kỳ đầu tiên là 22,5%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn được xác định tại thời điểm khoản vay chuyển sang quá hạn. Từ năm 2012 Ngân hàng nhà nước có Q định điều chỉnh lãi suất nhằm thực hiện Nghị Q số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 của Chính Phủ về việc ổn định kinh tế vĩ mô, các Ngân hàng phải tuân thủ thực hiện, như vậy mức lãi suất cho vay của nguyên đơn sẽ thay đổi theo việc điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng nhà nước từng thời điểm, do vậy Tòa án phải căn cứ vào các Q định của Ngân hàng nhà nước về việc điều chỉnh lãi suất để xem xét áp dụng mức lãi suất theo quy định. Thông tư số 20/2012 ngày 8/6/2012 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 14/2012/TT-NHNN ngày 04/5/2012 quy định lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực ngành kinh tế quy định: Lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tối đa là 13%/năm. Tiếp đó, Ngân hàng nhà nước tiếp tục có các thông tư, Q định điều chỉnh mức lãi suất theo từng thời kỳ từ năm 2012 đến nay, cụ thể: Thông tư số 33/2012/TT-NHNN ngày 21/12/2012; Thông tư số 09/2013/TT-NHNN ngày 25/3/2013; Thông tư số 10/2013/TT-NHMM ngày 10/5/2013; Thông tư số 16/2013/TT-NHNN ngày 27/6/2013; Thông tư số 08/2014/TT-NHNN ngày 17/3/2014; Q định số 499/QĐ-NHNN ngày 17/3/2014; Q định số 2174/QĐ-NHNN ngày 28/10/2014; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Q định số 1425/QĐ-NHNN ngày 07/7/2017 - Theo đó, mức lãi suất thay đổi giảm dần từ 12%/năm xuống 6,5%/năm. Từ những phân tích trên, nhận thấy việc nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán mức lãi suất quá hạn 150% trên mức lãi suất 22,5% kể từ

ngày 13/4/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm là quá cao và không phù hợp với các quy định về lãi suất cho vay do Ngân hàng Nhà nước quy định, do vậy việc Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận phần lãi suất quá hạn vượt quá mức lãi suất theo hợp đồng và khoản lãi phạt 819.713.605 đồng là đúng theo quy định do vậy không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn về lãi nêu trên.

Về án phí : Khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định : “ *Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm nếu yêu cầu của họ không được chấp nhận*” , do vậy việc Toà án cấp sơ thẩm buộc Nguyên đơn phải chịu án phí là đúng theo quy định, nên không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn về án phí. Nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Từ những phân tích nêu trên, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Từ những nhận định trên!

Căn cứ điều 355; Điều 471, Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 1 điều 147, khoản 1 điều 148, khoản 1 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/CP/2012 ngày 22/2/2011 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ khoản 4 điều 26, khoản 1 điều 29 Nghị Q số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí , lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử : Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D K (Ngân hàng GBank).

Giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2019/ KDTM – ST, ngày 28 tháng 2 năm 2019 của Tòa án nhân dân Huyện Đ A và Q định như sau :

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D K (Ngân hàng GBank) đối với anh Trương Văn Q và chị Nguyễn Thị L.

Buộc anh Trương Văn Q và chị Nguyễn Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng GBank số tiền *nợ gốc là 2.000.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 70.298.251 đồng; Nợ lãi quá hạn: 3.420.391.667 đồng. Tổng cộng: 5.490.689.917 đồng* (Năm tỷ, bốn trăm chín mươi triệu, sáu trăm tám chín nghìn, chín trăm mười bảy đồng).

Không chấp nhận yêu cầu đòi khoản tiền lãi quá hạn và khoản tiền lãi phạt của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D K tổng cộng là *819.713.605 đồng* (Tám trăm mười chín triệu, bảy trăm mười ba nghìn, sáu trăm linh năm đồng).

2. Trường hợp anh Trương Văn Q và chị Nguyễn Thị L không trả được số tiền còn nợ trên cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D K thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 01 tại thôn B Tr, xã B H, huyện Đ A, Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 556184, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 1050/2005/QĐ-UB.00077/2005/ĐA-BH do UBND huyện Đ A cấp ngày 19/12/2005 đứng tên hộ gia đình bà Nguyễn Thị T. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số ngân hàng 0107/2011/HĐBL/GPBĐĐ ngày 31/3/2011.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 05 tại thôn B Tr, xã B H, huyện Đ A, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 901484 , số vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 0773.QSDĐ/BH do UBND huyện Đ A cấp ngày 06/12/2002 đứng tên hộ gia đình ông Trương Xuân B. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số ngân hàng 0108/2011/HĐBL/GPBĐĐ ngày 31/3/2011.

3. Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo trên để thu hồi nợ mà giá trị tài sản thu hồi không đủ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D K thì anh Q chị L vẫn phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng GBank cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

4. Những người hiện đang sinh sống thường xuyên trên hai thửa đất nêu trên có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của hai thửa đất trên cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D K trong trường hợp phát mại xử lý tài sản thế chấp.

5. Về án phí:

+ Anh Q, chị L phải nộp **113.490.690 đồng** (Một trăm mười ba triệu, bốn trăm chín mươi nghìn, sáu trăm chín mươi đồng chẵn) tiền án phí sơ thẩm .

+ Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D K phải nộp án phí đối với phần không được Tòa án chấp nhận là 36.591.408 đồng (Ba sáu triệu, năm trăm chín một nghìn, bốn trăm linh tám đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0001569 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ A, Thành phố Hà Nội , Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D K được hoàn trả số tiền 20.328.592 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0001569 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ A, Thành phố Hà Nội. Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D K phải chịu 2.000.000đ án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0008376 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ A, thành phố Hà Nội.

6. Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/12/2018), người phải thi hành án tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn thoả thuận trong Hợp đồng hạn mức tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi trả xong nợ .

Trường hợp bản án, Q định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 26/7/2019.

Nơi nhân:

- TAND Huyện Đ A.
- VKSND TP Hà nội .
- Dương sự. Nơi ĐKKH
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

